

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến thời điểm trước cổ phần hóa ngày 30 tháng 12 năm 2015 gồm:

Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch Công ty (Bổ nhiệm từ ngày 01/05/2015)
Ông Trần Việt Dũng	Giám đốc kiêm Chủ tịch Công ty (Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2015)
Ông Nguyễn Văn Bá	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty từ thời điểm cổ phần hóa ngày 30 tháng 12 năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bá	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Bá

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 157.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi. Theo ước tính của chúng tôi, mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần được trích lập bổ sung là 2.830.817.174 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi trên vào chi phí trong năm 2015 thì trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, chi tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng là 2.830.817.174 đồng, và chi tiêu “Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng.



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lưu ý người đọc

Báo cáo này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 29.03/2016/BCKT-IFC đã phát hành ngày 09 tháng 03 năm 2016 do có sự thay đổi số liệu chi tiêu “ Chi phí trả trước dài hạn” (mã số 261) và chi tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (mã số 319) trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Công điện số 152/CD-DS ngày 04 tháng 03 năm 2016 của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam yêu cầu Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng không điều chỉnh giá trị tài sản cố định hình thành từ các dự án vốn vay ODA theo kết quả của tư vấn thẩm định giá xác định giá trị doanh nghiệp.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Jürgen

Phạm Thị Thanh Duyên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3515-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.057.183.239	47.842.289.940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.815.904.026	14.152.870.568
1. Tiền	111		6.730.551.098	6.081.859.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.085.352.928	8.071.011.133
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.287.280.737	27.098.281.178
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	38.786.601.694	25.029.078.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		84.303.185	24.150.464
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	2.132.846.242	2.045.052.579
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.716.470.384)	-
III. Hàng tồn kho	140		1.953.998.476	6.591.138.194
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.953.998.476	6.591.138.194
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.413.657.308	622.455.947.068
I. Tài sản cố định	220		9.546.793.881	622.409.529.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	9.546.793.881	559.531.273.192
- Nguyên giá	222		21.551.163.009	1.099.827.687.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.004.369.128)	(540.296.414.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	62.878.256.300
- Nguyên giá	228		-	62.878.256.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.866.863.427	46.417.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	2.866.863.427	46.417.576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.470.840.547	670.298.237.008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.970.840.547	67.220.193.644
I. Nợ ngắn hạn	310		48.970.840.547	42.179.032.873
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	13.773.018.188	12.502.489.481
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		572.272.441	1.208.845.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	3.058.267.402	4.702.190.363
4. Phải trả người lao động	314		12.185.626.755	10.582.419.054
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	1.828.217.724
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	18.184.600.065	5.346.001.549
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		27.830.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.169.225.696	6.008.869.202
II. Nợ dài hạn	330		-	25.041.160.771
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	-	25.041.160.771
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.500.000.000	603.078.043.364
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	16.500.000.000	13.379.862.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	12.023.820.999
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.356.041.085
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	589.698.181.280
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	589.698.181.280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.470.840.547	670.298.237.008


Phạm Trọng Phương
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2016


Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Bá
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		118.468.175.649	112.587.461.293
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	118.468.175.649	112.587.461.293
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	102.388.257.680	99.169.665.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.079.917.969	13.417.795.343
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	575.160.265	835.246.670
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	15.354.875.968	11.680.609.470
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.300.202.266	2.572.432.543
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.449.431.415	721.007.090
12. Chi phí khác	32	VI.6	3.402.458.688	481.872.500
13. Lợi nhuận khác	40		46.972.727	239.134.590
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.347.174.993	2.811.567.133
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	296.378.499	618.544.769
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.050.796.494	2.193.022.364
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-


Phạm Trọng Phương
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2016


Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Bá
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	114.011.483.594	115.504.544.709
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(33.463.568.256)	(29.106.586.864)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.475.738.273)	(63.969.795.689)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.219.123.773)	(1.353.433.694)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(510.094.557)	(533.345.698)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.885.568.350	2.819.417.752
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.208.844.148)	(29.447.270.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.980.317.063)	(6.086.469.949)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(30.998.182)	(994.846.500)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	570.726.608	907.720.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	539.728.426	(87.126.405)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.220.694.851	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.117.072.756)	(13.066.821.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.103.622.095	(13.066.821.998)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.336.966.542)	(19.240.418.352)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.152.870.568	33.393.288.920
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.815.904.026	14.152.870.568


Phạm Trọng Phương
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2016


Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Bá
Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Quản lý Đường sắt Hà Lạng - đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 868/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 04 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2400152522 ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400152522 thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty chuyển đổi loại hình từ “Công ty TNHH Một thành viên” thành loại hình “Công ty cổ phần” với vốn điều lệ là 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 6 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tổng số nhân viên trong danh sách của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.056 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.060 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông đường sắt;
- Định giá xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Giám sát thi công công trình;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về giao thông đường sắt, đường bộ dân dụng, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang bị dụng cụ lao động;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch;
- Hợp tác liên doanh, liên kết các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục đích kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KÊ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2015 là giai đoạn công ty hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Từ ngày 30 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là giai đoạn công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về Chế độ Kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	04

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định hữu hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Giá trị còn lại của những tài sản nói trên được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	148.604.154	74.696.756
Tiền gửi ngân hàng	6.581.946.944	6.007.162.679
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	5.085.352.928	8.071.011.133
Cộng	11.815.904.026	14.152.870.568

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	19.176.962.287	12.909.041.849
Công ty XD công trình và đầu tư 120	2.706.956.200	1.512.824.000
Công ty CP nhiệt điện Phả Lại	1.956.895.878	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.945.787.329	10.607.212.286
Cộng	38.786.601.694	25.029.078.135

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	139.772.883	573.790.684
Tạm ứng	462.545.000	16.814.000
Phải thu Bảo hiểm của người lao động	348.251.580	398.707.105
Phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-
Phải thu khác	210.974.205	1.055.740.790
Cộng	2.132.846.242	2.045.052.579

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	892.333.329	-	2.127.995.983	-
Công cụ, dụng cụ	100.301.959	-	156.595.996	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	961.363.188	-	4.306.546.215	-
Cộng	1.953.998.476	-	6.591.138.194	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	1.053.504.042.366	41.663.288.038	4.179.621.274	365.601.047	115.135.000	1.099.827.687.725
Mua trong năm	-	-	-	30.998.182	-	30.998.182
Tăng khác (*)	27.481.162.550	-	-	-	-	27.481.162.550
Giảm khác (**)	(1.068.323.917.037)	(37.464.768.411)	-	-	-	(1.105.788.685.448)
Tại ngày 31/12/2015	12.661.287.879	4.198.519.627	4.179.621.274	396.599.229	115.135.000	21.551.163.009
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	518.687.963.878	18.507.844.612	2.803.642.147	253.791.770	43.172.126	540.296.414.533
Khấu hao trong năm	35.573.278.800	3.302.431.191	224.751.364	29.042.942	-	39.129.504.297
Tăng (giảm) hao mòn do đánh giá lại	3.685.857.340	(601.202.109)	(591.693.854)	(51.238.932)	(7.308.000)	2.434.414.445
Giảm khác	(551.143.133.117)	(18.712.831.030)	-	-	-	(569.855.964.147)
Tại ngày 31/12/2015	6.803.966.901	2.496.242.664	2.436.699.657	231.595.780	35.864.126	12.004.369.128
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	534.816.078.488	23.155.443.426	1.375.979.127	111.809.277	71.962.874	559.531.273.192
Tại ngày 31/12/2015	5.857.320.978	1.702.276.963	1.742.921.617	165.003.449	79.270.874	9.546.793.881

(*) Công ty ghi tăng giá trị tài sản cố định theo Công văn số 434 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam dự án “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo Quyết định 1856, giai đoạn 2 (2009-2010) - Tiêu dự án I” với giá trị là 20.299.976.000 đồng; và ghi tăng giá trị tài sản cố định hữu hình theo biên bản định giá tài sản với giá trị là 7.181.186.550 đồng.

(**) Trong năm 2015, Công ty thực hiện trả một số tài sản nhóm I và tài sản nhóm II về cho Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam theo quyết định số 2799/QĐ-DS ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc điều chuyển tài sản liên quan đến công tác cổ phần hóa.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.866.863.427	46.417.576
Cộng	2.866.863.427	46.417.576

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Việt Chiến	1.024.999.471	1.495.704.471
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	1.020.189.335	452.709.000
Công ty TNHH Trang Khoa	3.871.753.980	-
Đối tượng khác	7.856.075.402	10.554.076.010
Cộng	13.773.018.188	12.502.489.481

8. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn;	22.318.193	70.670.282
Bảo hiểm xã hội;	476.907.867	155.765.458
Phải trả về cổ phần hoá	4.095.127.811	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.590.246.194	5.119.565.809
- Giá trị vật tư thu hồi	-	3.168.364.560
- Chênh lệch giá vật tư thu hồi	151.297.529	1.539.419.234
- Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (*)	8.710.545.040	-
- Nhận nợ khấu hao trả về Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	3.172.150.634	-
- Các khoản phải trả khác	1.556.252.991	411.782.015
Cộng	18.184.600.065	5.346.001.549

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là tiền ray theo Quyết định số 1225/QĐ-ĐS của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2015 và phí quản lý điều hành còn phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.874.155.033	9.076.747.806	10.507.194.968	4.304.602.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.895.160	296.378.499	510.094.557	377.611.218
Thuế đất	-	394.244.230	394.244.230	-
Thuế khác	20.217.209	202.697.459	202.457.200	19.976.950
Cộng	3.058.267.402	9.970.067.994	11.613.990.955	4.702.190.363

10. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2015	Trong năm		01/01/2015
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	-	25.041.160.771
Cộng	-	-	-	25.041.160.771

Khoản vay được thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền là 3.117.072.756 đồng, phần còn lại của khoản vay được thanh toán dưới hình thức chuyển trả tài sản hình thành từ vốn vay về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo quyết định số 2799/QĐ-DS ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc điều chuyển tài sản liên quan đến công tác cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	14.517.475.775	-	1.356.041.085	2.190.076.222	18.063.593.082
Lãi trong năm	-	-	-	2.193.022.364	2.193.022.364
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.726.075.586)	(3.726.075.586)
Giảm khác	(2.493.654.776)	-	-	(657.023.000)	(3.150.677.776)
Số dư tại ngày 31/12/2014	12.023.820.999	-	1.356.041.085	-	13.379.862.084
Tăng trong năm (*)	4.476.179.001	-	-	-	4.476.179.001,00
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	1.050.796.494	1.050.796.494
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.050.796.494)	(1.050.796.494)
Tăng khác (**)	5.815.871.745	7.577.004.862	-	-	13.392.876.607
Giảm khác (**)	(5.815.871.745)	(7.577.004.862)	(1.356.041.085)	-	(14.748.917.692)
Số dư tại ngày 31/12/2015	16.500.000.000	-	-	-	16.500.000.000

(*) Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn góp của chủ sở hữu theo phương án cổ phần hóa đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt ngày 30 tháng 10 năm 2015.

(**) Các khoản tăng vốn góp của chủ sở hữu là giá trị vốn góp tăng do đánh giá lại tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và kết chuyển quỹ đầu tư phát triển về vốn góp của chủ sở hữu. Các khoản giảm vốn là giá trị còn lại của tài sản cố định chuyển về Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2015		01/01/2015	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
Vốn ngân sách nhà nước	8.415.000.000	51%	12.023.820.999	100%
Cổ đông khác	8.085.000.000	49%	-	0%
Cộng	16.500.000.000	100%	12.023.820.999	100%

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phần	01/01/2015 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.650.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.650.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu từ hoạt động công ích	97.800.934.830	96.910.112.557
Sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt	94.759.027.564	90.598.334.375
Sửa chữa khắc phục bảo lữ	3.041.907.266	6.311.778.182
Doanh thu từ hoạt động ngoài công ích	20.667.240.819	15.677.348.736
Hoạt động xây lắp liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt	20.667.240.819	15.677.348.736
Cộng	118.468.175.649	112.587.461.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động công ích	83.261.483.834	84.799.419.952
Sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt	80.219.576.568	78.635.632.407
Sửa chữa khắc phục bảo lữ	3.041.907.266	6.163.787.545
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	19.126.773.846	14.370.245.998
Hoạt động xây lắp liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt	19.126.773.846	14.370.245.998
Cộng	102.388.257.680	99.169.665.950

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	575.160.265	835.246.670
Cộng	575.160.265	835.246.670

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.758.877.430	7.934.394.298
Chi phí vật liệu quản lý	419.238.801	457.143.882
Khấu hao tài sản cố định	141.418.624	27.820.000
Thuế, phí, lệ phí	397.244.230	217.900.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.096.911.246	391.374.978
Chi phí bằng tiền khác	2.824.715.253	2.612.172.154
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.716.470.384	39.804.000
Cộng	15.354.875.968	11.680.609.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học	836.190.476	-
Thu nhập từ tháo dỡ nhánh ĐS Ưông Bí A	2.157.964.599	-
Thu nhập khác	455.276.340	721.007.090
Cộng	3.449.431.415	721.007.090

6. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí hoạt động nghiên cứu khoa học	836.190.476	-
Chi phí tháo dỡ nhánh ĐS Ưông Bí A	2.157.964.599	-
Chi phí khác	408.303.613	481.872.500
Cộng	3.402.458.688	481.872.500

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.347.174.993	2.811.567.133
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	296.378.499	618.544.769

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Do đó, Công ty chưa thực hiện xác định chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015.

9. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.296.792.974	16.425.444.544
Chi phí nhân công	67.908.081.682	70.384.771.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.387.237.165	4.434.107.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.683.290.492	7.523.042.407
Chi phí khác bằng tiền	14.122.548.308	12.082.909.479
Cộng	114.397.950.621	110.850.275.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	25.041.160.771
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.815.904.026	14.152.870.568
Nợ thuần	-	10.888.290.203
Vốn chủ sở hữu	16.500.000.000	13.379.862.084
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	81,38%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.815.904.026	14.152.870.568
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.063.204.669	26.500.340.030
Các khoản ký quỹ	139.772.883	573.790.684
Cộng	51.018.881.578	41.227.001.282
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	-	25.041.160.771
Phải trả người bán và phải trả khác	31.957.618.253	17.848.491.030
Chi phí phải trả	-	1.828.217.724
Cộng	31.957.618.253	44.717.869.525

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền	11.815.904.026	-	-	11.815.904.026
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.063.204.669	-	-	39.063.204.669
Các khoản ký quỹ	139.772.883	-	-	-
Cộng	51.018.881.578	-	-	50.879.108.695
31/12/2015				
Các khoản vay	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	31.957.618.253	-	-	31.957.618.253
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	31.957.618.253	-	-	31.957.618.253
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.061.263.325	-	-	18.921.490.442
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015				
Tiền	14.152.870.568	-	-	14.152.870.568
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.500.340.030	-	-	26.500.340.030
Các khoản ký quỹ	573.790.684	-	-	573.790.684
Cộng	41.227.001.282	-	-	41.227.001.282
01/01/2015				
Các khoản vay	2.610.415.684	17.836.586.303	4.594.158.784	25.041.160.771
Phải trả người bán và phải trả khác	17.848.491.030	-	-	17.848.491.030
Chi phí phải trả	1.828.217.724	-	-	1.828.217.724
Cộng	22.287.124.438	17.836.586.303	4.594.158.784	19.676.708.754
Chênh lệch thanh khoản thuần	18.939.876.844	(17.836.586.303)	(4.594.158.784)	21.550.292.528

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Bán hàng	97.800.934.830	96.910.112.557
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	97.800.934.830	96.910.112.557
Mua hàng	4.840.790.688	2.958.260.975
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	4.840.790.688	2.958.260.975

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	19.176.962.287	12.909.041.849
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	19.176.962.287	12.909.041.849
Phải thu khác	901.859.400	-
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	901.859.400	-
Các khoản phải trả người bán	-	4.601.017.793
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	-	4.601.017.793
Các khoản phải trả khác	8.710.545.040	-
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	8.710.545.040	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	1.245.895.892	788.311.000
Cộng	1.245.895.892	788.311.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp.

Chi tiết như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Thông tư 200/2014-TT-BTC ngày 22/12/2014		Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006		Chênh lệch
TÀI SẢN	01/01/2015	TÀI SẢN	01/01/2015	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	26.377.188.984	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	25.640.303.015	590.604.684
3. Phải thu ngắn hạn khác	2.045.052.579	3. Phải thu ngắn hạn khác	1.454.447.895	590.604.684
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	V. Tài sản ngắn hạn khác	590.604.684	(590.604.684)
2. Tài sản ngắn hạn khác	-	2. Tài sản ngắn hạn khác	590.604.684	(590.604.684)

Phạm Trọng Phương

Phạm Trọng Phương
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Hà Huy Tâm

Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bá
Giám đốc